

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **77** /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **21** tháng **8** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định thời gian lập, lập lại, gửi dự toán; tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán; mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách; việc rút dự toán của ngân sách cấp xã; thời hạn, biểu mẫu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; thời gian gửi báo cáo quyết toán; việc báo cáo công khai ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6262/STC-NS ngày 24 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy định thời gian lập, lập lại, gửi dự toán; tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán; mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách; việc rút dự toán của ngân sách cấp xã; thời hạn, biểu mẫu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; thời gian gửi báo cáo quyết toán; việc báo cáo công khai ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thời gian lập, lập lại, gửi dự toán; tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán; mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách; việc rút dự toán của ngân sách cấp xã; thời hạn, biểu mẫu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; thời gian gửi báo cáo quyết toán; việc báo cáo công khai ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **21** tháng **9** năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XII; Thủ trưởng các

sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ ngành: TC, TP, NN&MT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Thời gian lập, lập lại, gửi dự toán; tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán; mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách; việc rút dự toán của ngân sách cấp xã; thời hạn, biểu mẫu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; thời gian gửi báo cáo quyết toán; việc báo cáo công khai ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **77** /2026/QĐ-UBND)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thời gian lập, lập lại, gửi dự toán; tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán; mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách; việc rút dự toán của ngân sách cấp xã; thời hạn, mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; thời gian gửi báo cáo quyết toán; việc báo cáo công khai ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo khoản 3 Điều 16 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 15, các điểm g, k khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc ở cấp tỉnh, cấp xã;
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Các cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II**QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Mục 1****LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ)

1. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm đơn vị dự toán cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo dự toán đến Sở Tài chính làm cơ sở để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

2. Trước ngày 30 tháng 8 hằng năm đơn vị dự toán cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo dự toán đến Sở Tài chính làm cơ sở để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 11 Điều 15 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cùng với báo cáo dự toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã

Trường hợp dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

Mục 2**CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 5. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự của các đơn vị dự toán cấp I

1. Mẫu biểu thuyết minh căn cứ phân bổ chi sự nghiệp theo lĩnh vực theo mẫu biểu từ số 37.1 đến số 46.4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Các văn bản liên quan làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ cho từng đơn vị sử dụng ngân sách.

Điều 6. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối và việc rút dự toán bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng cho ngân sách cấp xã: Phòng Kinh tế đối với các xã, đặc khu hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với các phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa hằng tháng theo nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định.

2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã: Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã, căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Phòng Kinh tế đối với các xã, đặc khu hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với các phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương.

a) Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương.

b) Mẫu biểu báo cáo: Thực hiện báo cáo theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã

a) Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Sở Tài chính tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã.

b) Mẫu biểu báo cáo: Thực hiện báo cáo theo mẫu biểu số 04 Phụ lục kèm theo Quy định này.



3. Báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã.

a) Chậm nhất trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước.

b) Mẫu biểu báo cáo: Thực hiện báo cáo theo mẫu biểu số 05 Phụ lục kèm theo Quy định này.

Mục 3

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính

1. Các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan tài chính cấp xã trước ngày 20 tháng 2 năm sau.

2. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách tỉnh gửi báo cáo quyết toán cho Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

Mục 4

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Báo cáo công khai ngân sách

1. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo mẫu biểu về thực hiện thu, chi ngân sách cấp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định này.

2. Báo cáo công khai ngân sách

a) Đơn vị dự toán thực hiện công khai theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng

dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các xã, phường, đặc khu thực hiện các nội dung tại Quy định này theo quy định;

2. Thuế tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./. ✍

Phụ lục
DANH MỤC MẪU BIỂU BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Quy định số 77 /2026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN VÀ THỜI HẠN BÁO CÁO
Mẫu biểu số 01	Tình hình cân đối ngân sách địa phương quý...năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 02	Ước thực hiện thu NSNN quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 03	Ước thực hiện chi NSNN quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 04	Tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Sở Tài chính trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 05	Báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước	Dành cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 2 năm sau

CƠ QUAN TÀI CHÍNH**TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...***(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)**Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

(Dành cho cơ quan tài chính cấp xã báo cáo định kỳ cho Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

TT	NỘI DUNG	Quyết định bổ sung của UBND tỉnh	Mã CTMT	Tổng dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Gồm:		Dự toán thực rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán đã sử dụng (*) (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Nộp giảm dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa sử dụng theo số rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại theo Quyết định (lũy kế tới kỳ báo cáo)
					Dự toán Tỉnh giao đầu năm	Dự toán Tỉnh bổ sung trong năm (lũy kế tới kỳ báo cáo)						
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4	5	6	7=1-4	8=4-5	9=1-5-6
	Chi tiết theo dự án											
II.2	Vốn thực hiện các CT MTQG											
	Chi tiết theo từng Chương trình											
B	CHI THƯỜNG XUYÊN (=I+II)											
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH											
	Chi tiết theo từng nội dung											
II	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=II.1+II.2)											
II.1	Vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ											
	Chi tiết từng nội dung											
II.2	Vốn thực hiện các CT MTQG											
	Chi tiết theo từng Chương trình											

(*) Tổng dự toán đã sử dụng tại cột số 5 là tổng dự toán đã phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc

UBND XÃ, PHƯỜNG ...

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...
(Dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
	(Chi tiết danh mục công trình, dự án)			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
	(Chi tiết chế độ, chính sách)			
5	Nội dung khác (nếu có, nêu cụ thể)			

CƠ QUAN TÀI CHÍNH**TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...***(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)**Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

(Dành cho cơ quan tài chính cấp xã báo cáo định kỳ cho Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

TT	NỘI DUNG	Quyết định bổ sung của UBND tỉnh	Mã CTMT	Tổng dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Gồm:		Dự toán thực rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán đã sử dụng (*) (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Nộp giảm dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa sử dụng theo số rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại theo Quyết định (lũy kế tới kỳ báo cáo)
					Dự toán Tỉnh giao đầu năm	Dự toán Tỉnh bổ sung trong năm (lũy kế tới kỳ báo cáo)						
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4	5	6	7=1-4	8=4-5	9=1-5-6
	Chi tiết theo dự án											
II.2	Vốn thực hiện các CT MTQG											
	Chi tiết theo từng Chương trình											
B	CHI THƯỜNG XUYÊN (=I+II)											
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH											
	Chi tiết theo từng nội dung											
II	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=II.1+II.2)											
II.1	Vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ											
	Chi tiết từng nội dung											
II.2	Vốn thực hiện các CT MTQG											
	Chi tiết theo từng Chương trình											

(*) Tổng dự toán đã sử dụng tại cột số 5 là tổng dự toán đã phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc

UBND XÃ, PHƯỜNG ...

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...*(Dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
	<i>(Chi tiết danh mục công trình, dự án)</i>			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
	<i>(Chi tiết chế độ, chính sách)</i>			
5	Nội dung khác (nếu có, nêu cụ thể)			